



Merkblatt für Fachkräfte mit nicht-akademischer Ausbildung

Hướng dẫn thủ tục xin cấp thị thực cho người có trình độ chuyên môn đã qua đào tạo nghề

Vollständiger Name des Antragstellers: _____ (Họ và tên)
Staatsangehörigkeit: _____ (Quốc tịch)

Die nachfolgenden Unterlagen **IM ORIGINAL** sind bei einer Visumantragstellung bei den deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam vollständig im Rahmen einer persönlichen Vorsprache des Antragstellers vorzulegen.

*Người xin thị thực phải trực tiếp có mặt và nộp đầy đủ các giấy tờ nêu dưới đây (nộp **BẢN GỐC**) tại Cơ quan đại diện CHLB Đức tại Việt Nam.*

Es wird darum gebeten, die Dokumente in der unten aufgeführten Reihenfolge zu sortieren.

Xin vui lòng sắp xếp giấy tờ theo thứ tự trong danh sách này.

Jede Unterlage muss jeweils im Original + eine einfache (unbeglaubigte) Kopie eingereicht werden. Bitte fertigen Sie von allen Dokumenten, die nicht bereits in deutscher Sprache vorhanden sind (außer englischsprachige Unterlagen), eine Übersetzung ins Deutsche an.

Đối với mỗi giấy tờ, Quý vị phải cung cấp bản gốc + 1 bản sao không cần công chứng. Quý vị vui lòng nộp kèm bản dịch ra tiếng Đức tất cả những giấy tờ không bằng tiếng Đức (trừ những giấy tờ bằng tiếng Anh).

Bitte kreuzen Sie für alle Unterlagen, die Sie vorlegen, die Kästchen in der rechten Spalte an, und unterschreiben Sie am Ende das Merkblatt auf der letzten Seite.

Đề nghị Quý vị đánh dấu giấy tờ có nộp vào các ô ở cột bên phải và kí tên xác nhận ở trang cuối cùng của bản hướng dẫn

Dem Visumantrag müssen nachfolgende Unterlagen beigelegt werden: <i>Hồ sơ xin cấp thị thực phải có những giấy tờ sau:</i>	Vom Antragsteller eingereicht <i>Người xin thị thực có nộp</i>	Nur durch VFS/AV auszufüllen <i>Chỉ điền bởi nhân viên VFS/Cơ quan đại diện Đức</i>	Anmerkungen <i>Ghi chú</i>
1. Vollständig ausgefülltes und vom Antragsteller unterschriebenes Antragsformular für nationale Visa (Online-Antragsformular „VIDEX“) <i>Tờ khai xin cấp thị thực quốc gia (thị thực dài hạn), được khai đầy đủ và có chữ ký của người nộp đơn (tờ khai trực tuyến „VIDEX“).</i>			
2. Zwei aktuelle biometrische Passfotos (45mm x 35mm) (Fotomustertafel) Bitte kleben Sie nur ein Passfoto auf das Antragsformular auf und legen Sie das zweite lose bei. <i>Hai ảnh hộ chiếu sinh trắc học, cỡ 45 mm x 35mm (Hướng dẫn về ảnh chụp xin cấp thị thực). Đề nghị Quý vị dán 1 ảnh vào tờ khai xin cấp thị thực và nộp 1 ảnh để rời.</i>			
3. Gültiger Reisepass (oder anerkanntes Passersatzdokument) <i>Hộ chiếu có giá trị (hoặc giấy tờ thay thế hộ chiếu được công nhận).</i>			
4. Tabellarischer und lückenloser Lebenslauf Insbesondere mit Darstellung der bisherigen Ausbildung bzw. Berufstätigkeit <i>Lý lịch theo trình tự thời gian liên tục bằng tiếng Đức. Đặc biệt phải trình bày quá trình đào tạo hoặc nghề nghiệp từ trước đến nay.</i>			
5. Nachweis der Gleichwertigkeit Ihrer Ausbildung			



<p>Wenn Sie Ihre Ausbildung nicht in Deutschland absolviert haben, benötigen Sie einen Bescheid der zuständigen Stelle in Deutschland, in dem die Gleichwertigkeit Ihrer Ausbildung festgestellt wird oder festgelegt wird, welche Anpassungs- oder Ausgleichsmaßnahmen erforderlich sind. Die zuständige Stelle finden Sie unter www.anererkennung-in-deutschland.de. Für eine vertiefte Beratung und Unterstützung im Anerkennungsverfahren wenden Sie sich bitte an die Zentrale Servicestelle Berufsanerkennung (ZSBA).</p> <p>Xác nhận về việc bằng nghề của Quý vị được công nhận có giá trị tương đương bằng nghề của Đức <i>Nếu bằng nghề của quý vị không phải của Đức, thì quý vị cần phải có quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đức, trong đó công nhận bằng nghề của quý vị có giá trị tương đương bằng nghề của Đức hoặc chỉ định các khóa học bổ sung kiến thức mà quý vị cần tham gia để được công nhận bằng nghề. Quý vị có thể xem thông tin về cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng trên trang web: https://www.anererkennung-in-deutschland.de Để được tư vấn chuyên sâu hơn và hỗ trợ trong quá trình làm thủ tục công nhận, quý vị vui lòng liên hệ với Cơ quan trung ương về công nhận trình độ nghề (Zentrale Servicestelle Berufsanerkennung -ZSBA)</i></p>			
<p>6. Konkretes Arbeitsplatzangebot Arbeitsvertrag oder verbindliche Arbeitsplatzzusage mit Aufgabenbeschreibung, Angaben zum Bruttogehalt und Hinweis zu erforderlichen Sprachkenntnissen</p> <p>Die angestrebte Tätigkeit muss eine qualifizierte Beschäftigung darstellen. Eine qualifizierte Beschäftigung liegt vor, wenn zu ihrer Ausübung Fertigkeiten, Kenntnisse und Fähigkeiten erforderlich sind, die in einem Studium oder in einer qualifizierten Berufsausbildung erworben werden.</p> <p>Thông báo tuyển dụng cụ thể <i>Hợp đồng lao động hoặc thư mời nhận việc với thông tin mô tả công việc, mức lương trước thuế hàng năm và yêu cầu về trình độ ngôn ngữ. Việc làm dự kiến phải là một công việc chuyên môn. Công việc chuyên môn là công việc mà để thực hiện nó người lao động phải có các kỹ năng, kiến thức và năng lực tích lũy trong quá trình học đại học hoặc học nghề chuyên ngành.</i></p>			
<p>7. Erklärung zum Beschäftigungsverhältnis im Original Das Formular muss vom zukünftigen Arbeitgeber vollständig ausgefüllt werden</p> <p>Bản gốc „Tuyên bố về quan hệ lao động“: <i>Bản tuyên bố về quan hệ lao động phải được người sử dụng lao động khai đầy đủ và ký tên.</i></p>			
<p>8. ggf. Berufsausübungserlaubnis Für bestimmte Berufe, u.a. im Bereich Medizin (sog. Reglementierte Berufe) ist eine Berufsausübungserlaubnis erforderlich. Ob dies auf Sie zutrifft, können Sie unter www.anererkennung-in-deutschland.de prüfen.</p> <p>Nếu phù hợp: giấy phép hành nghề <i>Đối với một số ngành nghề nhất định, trong đó có những ngành nghề thuộc lĩnh vực y tế (được gọi là những ngành nghề được quản lý), cần phải có giấy phép hành nghề. Để biết mình có thuộc những trường hợp như vậy không, quý vị có thể kiểm tra trên trang web: www.anererkennung-in-deutschland.de</i></p>			
<p>9. ggf. Sprachnachweis In folgenden Fällen müssen Deutsch-Kenntnisse auf einem bestimmten Niveau nachgewiesen werden:</p>			



<p>- bei reglementierten Berufen (siehe 8.), welchen Nachweis Sie benötigen, erfahren Sie ebenfalls unter www.anererkennung-in-deutschland.de</p> <p>- bei IT-Spezialisten ohne akademische Ausbildung: Deutsch-Kenntnisse auf Niveau B1 Der Nachweis muss durch ein anerkanntes Sprachzertifikat erfolgen. Dies trifft derzeit für folgende Sprachzertifikate zu:</p> <ul style="list-style-type: none">• Sprachzertifikate des Goethe-Instituts e.V.• Sprachzertifikate der telc GmbH• Sprachzertifikate des Österreichischen Sprachdiploms (ÖSD)• „TestDaF“ des TestDaF-Instituts e.V. (Institut der Fernuniversität Hagen und der Ruhr-Universität Bochum, Prüfungsniveau erst ab Stufe B2 GER)• Sprachzertifikate des ECL Prüfungszentrums <p>Deutsche Sprachkenntnisse sind für alle anderen Fälle nicht verpflichtend, erhöhen aber die Plausibilität des Visumantrags.</p> <p>Nếu phù hợp: Chứng nhận về trình độ ngôn ngữ Trong những trường hợp sau, phải chứng minh trình độ tiếng Đức ở một cấp độ nhất định: - Đối với các ngành nghề được quản lý (xem mục 8): để biết phải có trình độ tiếng Đức ở cấp độ nào, quý vị có thể xem thông tin trên trang web: www.anererkennung-in-deutschland.de - Đối với chuyên gia công nghệ thông tin chưa qua đào tạo đại học: cần có trình độ tiếng Đức bậc B1 Để chứng minh trình độ tiếng Đức phải trình chứng chỉ tiếng Đức được công nhận. Các chứng chỉ được công nhận hiện nay gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">• Chứng chỉ tiếng Đức của Viện Goethe• Chứng chỉ tiếng Đức của telc GmbH• Chứng chỉ tiếng Đức của Áo ÖSD• “TestDaF” của Viện TestDaF (trực thuộc Đại học từ xa Hagen và Đại học tổng hợp Ruhr Bochum, trình độ để tham dự kỳ thi là từ B2 trở lên)• Chứng chỉ tiếng Đức của Trung tâm khảo thí ECL <p>Đối với tất cả các trường hợp khác, không bắt buộc phải có trình độ tiếng Đức, nhưng nếu có thì sẽ làm tăng tính hợp lý của hồ sơ thị thực.</p>			
<p>10. Nachweis über ausreichenden Krankenversicherungsschutz für die Einreise gültig ab dem gewünschten Einreisetag und für eine Dauer von mindestens drei Monaten</p> <p>Chứng nhận có đủ bảo hiểm y tế để nhập cảnh, cho thời gian tối thiểu 3 tháng kể từ ngày nhập cảnh mong muốn.</p>			
<p>(Optional) Vorabzustimmung der Bundesagentur für Arbeit bzw. der Ausländerbehörde (bzw. beim beschleunigten Fachkräfteverfahren gem. § 81a AufenthG. Ist darauf eine AZR-Nummer angegeben, braucht die Vorabzustimmung nur in Kopie vorgelegt werden.)</p> <p>(Tùy chọn, không bắt buộc) Văn bản đồng ý trước với việc nhập cảnh của Cơ quan Lao động liên bang Đức hoặc Sở Ngoại kiều tại Đức (Đối với thủ tục rút gọn dành cho với người có trình độ chuyên môn theo điều 81a Luật Cư trú Đức. Nếu trong Văn bản đồng ý trước có thông tin về mã số ngoại kiều trong Cơ sở dữ liệu ngoại kiều trung ương, thì chỉ cần nộp bản sao của Văn bản đồng ý trước).</p>			
<p>Bitte beachten Sie: Bei Fachkräften ab 44 Jahren muss unter Umständen eine angemessene Altersvorsorge nachgewiesen werden. Bitte kontaktieren Sie vor der Beantragung die Auslandsvertretung für nähere Informationen.</p> <p>Xin lưu ý: Trong trường hợp nhất định, người có trình độ chuyên môn từ 44 tuổi trở lên có thể phải nộp bằng chứng về việc có lương hưu hợp lý. Quý vị vui lòng liên hệ với Đại sứ quán/Tổng Lãnh sự quán Đức để biết thêm thông tin.</p>			



Durch meine Unterschrift bestätige ich, dass ich folgende Informationen verstanden habe:

Für die Dauer der Bearbeitung meines Visumantrags verbleibt der Reisepass bei der Visastelle der deutschen Auslandsvertretung. Unvollständig abgegebene Antragsunterlagen können eine längere Bearbeitungsdauer notwendig machen oder zu einer Ablehnung des Visumantrags führen.

Verweigerte, bewusst falsche oder unvollständige Angaben im Visumverfahren können ein Ausweisungsinteresse begründen.

Die deutschen Auslandsvertretungen in Vietnam behalten sich das Recht vor, weitere, über die o.g. Liste hinausgehende Unterlagen oder Informationen bei Bedarf nachzufordern.

Với việc ký tên dưới đây, tôi xác nhận đã hiểu rõ các thông tin sau:

Hộ chiếu của tôi sẽ được lưu tại Phòng Thị thực của Cơ quan đại diện CHLB Đức trong thời gian xử lý hồ sơ xin cấp thị thực.

Việc nộp hồ sơ không đầy đủ giấy tờ có thể làm cho thời gian xử lý bị kéo dài hoặc hồ sơ bị từ chối.

Việc từ chối cung cấp thông tin, cố ý cung cấp thông tin sai lệch hoặc không đầy đủ trong quá trình xin cấp thị thực có thể là lý do để trục xuất.

Ngoài những giấy tờ nêu trên, Cơ quan đại diện CHLB Đức có quyền yêu cầu bổ sung thêm các giấy tờ hoặc thông tin khác nếu cần thiết.

Ort und Datum/Địa điểm và ngày

Unterschrift des Antragstellers/Chữ ký của người nộp đơn
